



Số: 106/VB-BM/KD/2026

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20/03/2026

## THÔNG BÁO

(Về việc điều chỉnh giá công bố cho sản phẩm ống HDPE)

### Kính gửi: Quý Khách hàng

Công ty Cổ phần Nhựa Bình Minh chân thành cảm ơn sự quan tâm và hợp tác của Quý Khách hàng đối với sản phẩm của chúng tôi trong thời gian qua.

Trước những biến động của thị trường toàn cầu dẫn đến khó khăn về nguồn cung và giá nguyên liệu đầu vào tăng cao, Công ty luôn nỗ lực duy trì chất lượng sản phẩm, đảm bảo hài hòa lợi ích và ổn định hoạt động sản xuất – kinh doanh. Chúng tôi xin trân trọng thông báo:

- ❖ **Điều chỉnh giá công bố cho sản phẩm ống nhựa HDPE** (có bảng giá đính kèm).
- ❖ **Thời gian áp dụng: Từ ngày 21/03/2026 đến khi có thông báo mới.**

Chúng tôi sẽ công bố bảng giá trên website Công ty: <https://binhminhplastic.com.vn> và gửi đến Hệ thống phân phối trong thời gian sớm nhất.

Quý Khách hàng cần làm rõ thông tin xin vui lòng liên hệ:

- Bà Vy Thị Hồng Loan – Giám đốc Kinh doanh (ĐT: 0903 340 307) để được giải đáp.

Rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ của Quý Khách hàng.

Cảm ơn và trân trọng kính chào.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

*Signature*

Signing Date/Ngày ký: 20/03/2026 16:08:01+07'00'

Signing Date/Ngày ký: 20/03/2026 16:11:32+07'00'

*Asada Boonsrirat*

### Nơi nhận:

- Như trên;
- P.HC, P.TCKT;
- Lưu: P.KD.

**Chi nhánh Nhựa Bình Minh Bình Dương:**  
Số 7, Đường số 2, KCN Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.  
**Binh Minh Plastics Binh Duong Branch:**  
No. 7, Road No. 2, Song Than 1 Industrial Park, Di An Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Chi nhánh Nhựa Bình Minh Long An:**  
Lô C1-6 đến C1-30, KCN Vĩnh Lộc 2, Đường Vĩnh Lộc 2, Ấp Voi Lá, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.  
**Binh Minh Plastics Long An Branch:**  
Lot C1-6 to C1-30, Vinh Loc 2 Industrial Park, Vinh Loc 2 St., Voi La Hamlet, My Yen Commune, Tay Ninh Province, Vietnam.

**Công ty TNHH MTV Nhựa Bình Minh Miền Bắc:**  
Đường D1, Khu D, KCN Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.  
**North Binh Minh Plastics Limited Company:**  
D1 Street, D Zone, Pho Noi A Industrial Park, Nhu Quynh Commune, Hung Yen Province, Vietnam.



NHỰA BÌNH MINH®



CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA BÌNH MINH

240 Hậu Giang, Phường Bình Tây, TP. HCM - ĐT: (028) 3969 0973 - FAX: (028) 3960 6814

Website: www.binhminhplastic.com.vn

CÔNG TY TNHH MTV NHỰA BÌNH MINH MIỀN BẮC

Đ1, Khu D, Khu công nghiệp Phố Nối A, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên- ĐT: (0221) 396 7868 - Fax: (0221) 396 7869



BẢNG GIÁ ỚNG NHỰA HDPE  
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 21-3-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI

Ớng HDPE sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4427-2-2007

STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)		STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán		Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
1	Ø 16	16 x 2,0mm	20	7.900	8.532	11	Ø 125	125 x 4,8mm	6	162.200	175.176
2	Ø 20	20 x 1,5mm	12,5	8.100	8.748			125 x 6,0mm	8	199.800	215.784
		20 x 2,0mm	16	10.200	11.016			125 x 7,4mm	10	243.900	263.412
		20 x 2,3mm	20	11.700	12.636			125 x 9,2mm	12,5	298.000	321.840
		25 x 1,5mm	10	10.300	11.124			125 x 11,4mm	16	360.900	389.772
3	Ø 25	25 x 2,0mm	12,5	13.100	14.148	12	Ø 140	140 x 5,4mm	6	204.700	221.076
		25 x 2,3mm	16	15.000	16.200			140 x 6,7mm	8	250.200	270.216
		25 x 3,0mm	20	18.600	20.088			140 x 8,3mm	10	306.200	330.696
4	Ø 32	32 x 2,0mm	10	17.100	18.468			140 x 10,3mm	12,5	373.100	402.948
		32 x 2,4mm	12,5	20.300	21.924			140 x 12,7mm	16	449.800	485.784
		32 x 3,0mm	16	24.500	26.460	13	Ø 160	160 x 6,2mm	6	268.400	289.872
		32 x 3,6mm	20	28.700	30.996			160 x 7,7mm	8	328.200	354.456
40 x 2,0mm	8	21.600	23.328	160 x 9,5mm	10			399.600	431.568		
40 x 2,4mm	10	25.800	27.864	160 x 11,8mm	12,5			487.100	526.068		
5	Ø 40	40 x 3,0mm	12,5	31.300	33.804			160 x 14,6mm	16	590.400	637.632
		40 x 3,7mm	16	37.800	40.824	14	Ø 180	180 x 6,9mm	6	334.300	361.044
		40 x 4,5mm	20	44.900	48.492			180 x 8,6mm	8	412.400	445.392
		50 x 2,4mm	8	32.700	35.316			180 x 10,7mm	10	505.400	545.832
50 x 3,0mm	10	39.700	42.876	180 x 13,3mm	12,5			618.100	667.548		
6	Ø 50	50 x 3,7mm	12,5	48.300	52.164			180 x 16,4mm	16	746.300	806.004
		50 x 4,6mm	16	58.600	63.288	15	Ø 200	200 x 7,7mm	6	414.600	447.768
		50 x 5,6mm	20	69.500	75.060			200 x 9,6mm	8	510.900	551.772
		63 x 3,0mm	8	50.800	54.864			200 x 11,9mm	10	623.700	673.596
		63 x 3,8mm	10	63.300	68.364			200 x 14,7mm	12,5	758.200	818.856
63 x 4,7mm	12,5	76.900	83.052	200 x 18,2mm	16			920.300	993.924		
7	Ø 63	63 x 5,8mm	16	92.800	100.224	16	Ø 225	225 x 8,6mm	6	520.900	562.572
		63 x 7,1mm	20	111.000	119.880			225 x 10,8mm	8	645.700	697.356
		75 x 3,6mm	8	72.600	78.408			225 x 13,4mm	10	791.000	854.280
		75 x 4,5mm	10	89.400	96.552			225 x 16,6mm	12,5	962.800	1.039.824
		75 x 5,6mm	12,5	109.000	117.720			225 x 20,5mm	16	1.164.800	1.257.984
8	Ø 75	75 x 6,8mm	16	129.400	139.752	17	Ø 250	250 x 9,6mm	6	645.500	697.140
		75 x 8,4mm	20	156.000	168.480			250 x 11,9mm	8	790.200	853.416
		90 x 4,3mm	8	104.200	112.536			250 x 14,8mm	10	969.500	1.047.060
		90 x 5,4mm	10	128.500	138.780			250 x 18,4mm	12,5	1.186.100	1.280.988
		90 x 6,7mm	12,5	156.100	168.588			250 x 22,7mm	16	1.432.600	1.547.208
9	Ø 90	90 x 8,2mm	16	187.500	202.500	18	Ø 280	280 x 10,7mm	6	805.200	869.616
		90 x 10,1mm	20	225.000	243.000			280 x 13,4mm	8	997.500	1.077.300
		110 x 4,2mm	6	125.900	135.972			280 x 16,6mm	10	1.218.000	1.315.440
		110 x 5,3mm	8	156.300	168.804			280 x 20,6mm	12,5	1.486.100	1.604.988
		110 x 6,6mm	10	191.200	206.496			280 x 25,4mm	16	1.796.000	1.939.680
10	Ø 110	110 x 8,1mm	12,5	231.300	249.804						
		110 x 10,0mm	16	278.200	300.456						

Ghi chú: Ớng PE DN20 x 1,5mm và DN25 x 1,5mm (PE100) được sản xuất tham khảo theo tiêu chuẩn ISO 4427-2:2007.

Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Signature and stamp

**Ống HDPE sản xuất theo tiêu chuẩn ISO 4427-2-2007**

STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)		STT	Sản Phẩm		PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán		Tên	Quy cách		Chưa thuế	Thanh toán
19	Ø 315	315 x 12,1mm	6	1.025.700	1.107.756	25	Ø 630	630 x 24,1mm	6	4.556.300	4.920.804
		315 x 15,0mm	8	1.253.500	1.353.780			630 x 30,0mm	8	5.492.000	5.931.360
		315 x 18,7mm	10	1.542.500	1.665.900			630 x 37,4mm	10	6.760.200	7.301.016
		315 x 23,2mm	12,5	1.883.500	2.034.180			630 x 46,3mm	12,5	8.233.700	8.892.396
		315 x 28,6mm	16	2.273.500	2.455.380			630 x 57,2mm	16	9.968.700	10.766.196
20	Ø 355	355 x 13,6mm	6	1.296.200	1.399.896	26	Ø 710	710 x 27,2mm	6	5.678.200	6.132.456
		355 x 16,9mm	8	1.591.500	1.718.820			710 x 33,9mm	8	6.992.700	7.552.116
		355 x 21,1mm	10	1.963.000	2.120.040			710 x 42,1mm	10	8.577.600	9.263.808
		355 x 26,1mm	12,5	2.387.800	2.578.824			710 x 52,2mm	12,5	10.460.300	11.297.124
		355 x 32,2mm	16	2.885.800	3.116.664			710 x 64,5mm	16	12.663.200	13.676.256
21	Ø 400	400 x 15,3mm	6	1.643.800	1.775.304	27	Ø 800	800 x 30,6mm	6	7.191.400	7.766.712
		400 x 19,1mm	8	2.029.400	2.191.752			800 x 38,1mm	8	8.863.400	9.572.472
		400 x 23,7mm	10	2.481.000	2.679.480			800 x 47,4mm	10	10.876.700	11.746.836
		400 x 29,4mm	12,5	3.028.300	3.270.564			800 x 58,8mm	12,5	13.268.800	14.330.304
		400 x 36,3mm	16	3.664.000	3.957.120			800 x 72,6mm	16	16.059.400	17.344.152
22	Ø 450	450 x 17,2mm	6	2.078.300	2.244.564	28	Ø 900	900 x 34,4mm	6	9.095.600	9.823.248
		450 x 21,5mm	8	2.566.500	2.771.820			900 x 42,9mm	8	11.214.800	12.111.984
		450 x 26,7mm	10	3.143.400	3.394.872			900 x 53,3mm	10	13.758.700	14.859.396
		450 x 33,1mm	12,5	3.835.900	4.142.772			900 x 66,2mm	12,5	16.809.800	18.154.584
		450 x 40,9mm	16	4.639.800	5.010.984			900 x 81,7mm	16	20.327.900	21.954.132
23	Ø 500	500 x 19,1mm	6	2.563.800	2.768.904	29	Ø 1.000	1.000 x 38,2mm	6	11.223.200	12.121.056
		500 x 23,9mm	8	3.166.500	3.419.820			1.000 x 47,7mm	8	13.855.600	14.964.048
		500 x 29,7mm	10	3.883.900	4.194.612			1.000 x 59,3mm	10	17.004.500	18.364.860
		500 x 36,8mm	12,5	4.733.200	5.111.856			1.000 x 72,5mm	12,5	20.474.000	22.111.920
		500 x 45,4mm	16	5.725.100	6.183.108			1.000 x 90,2mm	16	24.957.400	26.953.992
24	Ø 560	560 x 21,4mm	6	3.525.300	3.807.324	30	Ø 1.200	1.200 x 45,9mm	6	16.164.700	17.457.876
		560 x 26,7mm	8	4.347.400	4.695.192			1.200 x 57,2mm	8	19.942.600	21.538.008
		560 x 33,2mm	10	5.337.400	5.764.392			1.200 x 67,9mm	10	23.422.200	25.295.976
		560 x 41,2mm	12,5	6.514.000	7.035.120			1.200 x 88,2mm	12,5	29.854.700	32.243.076
		560 x 50,8mm	16	7.867.800	8.497.224						

**Ghi chú:** Ống PE DN20 x 1,5mm và DN25 x 1,5mm (PE100) được sản xuất tham khảo theo tiêu chuẩn ISO 4427-2:2007.  
Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.